

Số: 1771 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 12 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã, phường thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai trước đây để thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 145-TB/TU ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tỉnh ủy Gia Lai về Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ của chính quyền các cấp trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 173/TTr-STC ngày 14 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã, phường thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai trước đây **với số tiền 6.600.000.000 đồng** (Sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng) để thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ của xã, phường theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XV thực hiện việc bổ sung kinh phí nêu trên đảm bảo theo đúng quy định Nhà nước hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán khoản kinh phí nêu trên đảm bảo theo quy định Nhà nước hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C7.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC BỔ SUNG KINH PHÍ SỐ HÓA TÀI LIỆU LƯU TRỮ CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI TRƯỚC ĐÂY

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG	SỐ TIỀN
1	UBND XÃ MANG YANG	102,370,000
2	UBND XÃ ĐAK ĐOA	126,154,000
3	UBND XÃ PHÚ TÚC	150,000,000
4	PHƯỜNG AN PHÚ	170,000,000
5	UBND XÃ KRONG	47,216,000
6	UBND XÃ IA HRÚ	98,300,000
7	UBND XÃ TỜ TUNG	38,300,000
8	UBND XÃ CHƯ KREY	60,000,000
9	UBND XÃ KÔNG CHRO	75,032,000
10	UBND XÃ YA MA	78,500,000
11	UBND XÃ SRÓ	55,500,000
12	UBND XÃ ĐẮK SONG	39,700,000
13	UBND XÃ CHƠ LONG	47,100,000
14	UBND XÃ KBANG	89,322,000
15	UBND XÃ KÔNG BƠ LA	68,960,000
16	UBND XÃ SƠN LANG	78,532,000
17	UBND XÃ ĐAK RONG	41,800,000
18	UBND PHƯỜNG DIỄN HỒNG	116,000,000
19	UBND PHƯỜNG THỐNG NHẤT	90,490,000
20	UBND XÃ PHÚ THIỆN	210,000,000
21	UBND XÃ CHƯ A THAI	90,000,000
22	UBND XÃ IA HIAO	124,440,000
23	UBND XÃ PỜ TÓ	46,000,000
24	UBND XÃ IA PA	76,766,000
25	UBND XÃ IA TUL	77,100,000
26	UBND PHƯỜNG AYUN PA	85,800,000
27	UBND XÃ IA RBOL	43,900,000
28	UBND XÃ IA SAO	43,900,000
29	UBND XÃ IA DREH	72,000,000

STT	ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG	SỐ TIỀN
30	UBND XÃ IA RSAI	84,500,000
31	UBND XÃ UAR	99,982,000
32	UBND PHƯỜNG AN KHÊ	120,126,000
33	UBND PHƯỜNG AN BÌNH	84,700,000
34	UBND XÃ CỬU AN	120,200,000
35	UBND XÃ ĐAK PƠ	215,000,000
36	UBND XÃ YA HỘI	60,000,000
37	UBND XÃ LỖ PANG	88,898,000
38	UBND XÃ KON CHIÊNG	68,000,000
39	UBND XÃ HRA	19,880,000
40	UBND XÃ AYUN	48,880,000
41	UBND XÃ BIỂN HỒ	94,472,000
42	UBND XÃ ĐỨC CƠ	42,984,000
43	UBND XÃ IA DỜK	36,000,000
44	UBND Xã IA KRÊL	88,264,000
45	UBND XÃ IA PNÔN	40,104,000
46	UBND XÃ IA DOM	36,800,000
47	UBND XÃ IA NAN	31,500,000
48	UBND XÃ CHƯ PRÔNG	83,364,000
49	UBND XÃ BÀU CẠN	48,270,000
50	UBND XÃ IA BOÔNG	73,944,000
51	UBND XÃ IA LÂU	84,900,000
52	UBND XÃ IA PIA	80,820,000
53	UBND XÃ IA TÔR	88,056,000
54	UBND XÃ IA PÚCH	50,000,000
55	UBND XÃ IA MƠ	40,128,000
56	UBND PHƯỜNG HỘI PHÚ	89,400,000
57	UBND XÃ GÀO	88,120,000
58	UBND XÃ CHƯ SÊ	117,000,000
59	UBND XÃ BỜ NGOONG	101,700,000
60	UBND XÃ IA KO	79,500,000
61	UBND XÃ AI BÁ	80,320,000
62	UBND XÃ CHƯ PU' H	80,248,000
63	UBND XÃ IA LE	64,150,000

STT	ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG	SỐ TIỀN
64	UBND PHƯỜNG PLEIKU	206,976,000
65	UBND XÃ CHƯ PĂH	90,496,000
66	UBND XÃ IA KHƯƠL	89,188,000
67	UBND XÃ KON GANG	181,844,000
68	UBND XÃ IA BẮNG	289,000,000
69	UBND XÃ KDANG	80,836,000
70	UBND XÃ ĐAK SƠMEI	50,400,000
71	UBND XÃ IA GRAI	132,182,000
72	UBND XÃ IA KRÁI	60,970,000
73	UBND XÃ IA HRUNG	93,300,000
74	UBND XÃ IA CHIA	50,000,000
75	UBND XÃ IA O	50,000,000
76	UBND XÃ IA LY	68,800,000
77	UBND XÃ IA PHÍ	82,616,000
Tổng cộng		6,600,000,000